

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----

SỞ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số:.....

Ngày:.....

Chuyển:.....D.7.-04.-2026

Số và ký hiệu HS:.....

HỒ SƠ

CÔNG BỐ NĂNG LỰC

HOẠT ĐỘNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Đơn vị công bố Năng Lực :

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀNG KHÔNG

Số đăng ký hoạt động khoa học công nghệ : 43/ĐK- KHCN

Mã số thuế: 0302790160

Địa chỉ : Số 156/12 Cộng Hòa, Phường Bảy Hiền, Thành Phố

Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 028 38426046

Email: vienhangkhong2008@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm : Trung tâm thí nghiệm xây dựng

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm : Số 156/12 Cộng Hòa, Phường Bảy Hiền,

Thành Phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 028 38426046

TP.Hồ Chí Minh- 2026

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HÀNG KHÔNG
..... ☎ 📠 📞

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
..... ☎ 📠 📞

SỞ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH
Số:
Ngày: 07-04-2026
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Số : 286/CBNL- HK

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi : Sở Xây Dựng Thành Phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15/01/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀNG KHÔNG công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên tổ chức : **VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀNG KHÔNG**

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 43/ĐK- KHCN đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 07 năm 1997 và thay đổi lần thứ 9 ngày 27 tháng 08 năm 2025 do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Địa chỉ trụ sở chính : 156/12 Cộng Hòa , Phường Bảy Hiền, Thành Phố Hồ Chí Minh

- Mã số thuế : 0302790160

- Thư điện tử : vienhangkhong2008@gmail.com Website : Vienhangkhong.com

- Người đại diện pháp luật : Nguyễn Văn Lý Chức vụ : Viện trưởng

- Điện thoại : 028. 38426046 - 0902014015

2. Thông tin phòng thí nghiệm : TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS – XD LAS-XD 58.006 Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 11 /GCN-SXD- VLXD ngày 01 tháng 03 năm 2024 và số : 49 /GCN-SXD – VLXD ngày 12 tháng 06 năm 2024 của Sở Xây dựng Thành Phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ phòng thí nghiệm : 156/12 Cộng Hòa , Phường Bảy Hiền, Thành Phố Hồ Chí Minh

Trưởng phòng : Nguyễn Văn Tuyên

Điện thoại : 0989362253

3. Viện khoa học và công nghệ hàng không chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**Viện khoa học và công nghệ hàng không
Viện trưởng**



Nơi nhận :

- Sở Xây dựng (đăng tải website)
- Lưu VT, (PTN Viện)

TS. Nguyễn Văn Lý

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CÔNG BỐ CỦA PHÒNG THÍ
NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

(Kèm theo công bố số 286/CBNL- HK ngày 28/03/2026 của Viện khoa học và CN hàng không)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
1.	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	Sàng 0,09 mm, Cân kỹ thuật 0,01g, tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011 (ISO 679) ASTM C109/C109M	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dẫn tạo mẫu, máy thử độ bền uốn (10kN±1%), máy thử độ bền nén (tăng tải 2400±200N/s), gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén.
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đong, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ cát, cân (1g), máy trộn (ISO 679), thùng lọc mẫu, khuôn Lơ Satolie.
II	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
4.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	- Cân kỹ thuật chính xác (5g). - Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy 200 ^o C, - Khăn lau mẫu
5.	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022	- Khuôn đúc mẫu, thiết bị gia công mẫu, máy mài mòn, cát mài, thước kẹp tiêu chuẩn
6.	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022	- Cân kỹ thuật (50g), - Thước lá kim loại, - Cân thủy tĩnh có độ chính xác tới 50g - Bếp điện - Thùng nấu paraffin, tủ sấy 200 ^o C
7.	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022	- Máy xác định độ chống thấm, bộ áo mẫu, paraffin, bàn chải sắt, tủ sấy

8.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022	<ul style="list-style-type: none"> - Máy nén 150-200 tấn (6 ± 4 daN/cm²-s), - Thước lá kim loại, - Đệm truyền tải
9.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	<ul style="list-style-type: none"> - Máy thử uốn 50 tấn ($0,6\pm 0,4$ daN/cm²-s), - Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm - Thước lá kim loại
10.	Xác định cường độ kéo khi bừa	TCVN 3120:2022	<ul style="list-style-type: none"> - Máy nén 50 tấn ($0,6\pm 0,4$ daN/cm²-s), - Bộ gá ép chế mẫu bê tông hình trụ, - Gói truyền tải, đệm gỗ
11.	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022	<p>Máy nén mẫu bê tông, Bộ gá mẫu ép mẫu, đồng hồ đo biến dạng</p>
III	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
12.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06; ATM C136/C136M ; AASTHO T27	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; - Bộ sàng tiêu chuẩn, kích thước mắt sàng 2,5 mm; 5 mm; 10 mm; 20 mm; 40 mm; 70 mm; 100 mm và sàng lưới kích thước mắt sàng 140 μm; 315 μm; 630 μm và 1,25 mm theo Bảng 1; - Máy lắc sàng; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105^oC đến 110^oC.
13.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06; ASTM C128	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105^oC đến 110^oC; - Bình dung tích, bằng thủy tinh, có miệng rộng, nhãn, phẳng dung tích từ 1,05 lít đến 1,5 lít và có tấm nắp đậy bằng thủy tinh, đảm bảo kín khí;
14.	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá góc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06;	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật, có độ chính xác 1%; - Cân thủy tinh, có độ chính xác 1%, và có giỏ đựng mẫu; - Thùng ngâm mẫu, bằng gỗ hay bằng vật liệu không gỉ; - Khăn thấm nước mềm và khô; - Thước kẹp; - Bàn chải sắt;

			- Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110 °C.
15.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06; ASTM C29/C29M	- Thùng đong bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1 l; 2 l; 5 l; 10 l và 20 l, kích thước quy định trong Bảng; - Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; - Phễu chứa vật liệu ; - Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2 : 2006; tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 oC đến 110°C - Thước lá kim loại; - Thanh gỗ thẳng, nhẵn, đủ cứng để gạt cốt liệu lớn.
16.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06 ASTM C566	- Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C; - Dụng cụ đảo mẫu (thìa hoặc dao).
17.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06;	- Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 0,1 % và cân kỹ thuật có độ chính xác 1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 oC đến 110 oC; - Thùng rửa cốt liệu ; - Đồng hồ bấm giây; - Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch; - Que hoặc kim sắt nhỏ.
18.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; ASTM C40/C40M	- Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, dung tích 250 ml và 100 ml; - Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1 %; - Bếp cách thủy; - Sàng có kích thước lỗ 20 mm; - Thang màu để so sánh; - Thuốc thử: NaOH dung dịch 3 %; tannin dung dịch 2 %; rượu êtylic dung dịch 1 %.
19.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06	- Máy nén thủy lực; - Máy khoan và máy cưa đá; - Máy mài nước; - Thước kẹp; - Thùng hoặc chậu để ngâm mẫu.
20.	Xác định độ nén dập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	Máy nén thủy có lực nén đạt 500 kN;xi lanh bằng thép, có đáy rời cân kỹ thuật có độ chính xác 1%;

			bộ sàng tiêu chuẩn theo tủ sấy tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 oC đến 110 oC; thùng ngâm mẫu.
21.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06; ASTM C131/C131, ASTM C535; AASHTO T96	- Máy Los Angeles, - Bi thép, khối lượng từ mỗi viên từ 390 g đến 445 g; - Cân kỹ thuật độ chính xác 1 %; - Bộ sàng, 1,7 mm; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C
22.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; AASHTO T335	- Cân kỹ thuật độ chính xác tới 1%; - Thước kẹp cải tiến; - Bộ sàng tiêu chuẩn theo - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C;
23.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572- 17:06	- Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g - Tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn theo 7572- 2:06 - Kim sắt, kim nhôm - Búa con
24.	Xác định hàm lượng bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06	cân kỹ thuật, chính xác đến 0,1%;
25.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06	- Cân phân tích độ chính xác 0,001g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 - Giấy nhám khổ 330mmx210mm - Đũa thủy tinh
IV	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM		
26.	Xác định độ kim lún ở 25 ⁰ C	TCVN 7495:05	- Máy đo độ kim lún, kim nặng 100g, - Đồng hồ bấm dây, nhiệt kế 50 ⁰ C (0,1 ⁰ C), - Chậu nhôm đáy phẳng (Φ 55, cao 35mm), - Bình chứa cốc mẫu (≥Φ 90, cao ≥55mm), - Chậu đựng nước (15l), - Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa

			- Thiết bị điều hòa nhiệt độ
27.	Xác định độ kéo dài ở 25 ⁰ C	TCVN 7496:05	- Máy kéo dài (5cm±0,5cm/ph), - Khuôn bằng đồng, - Nhiệt kế 50 ⁰ C (0,1 ⁰ C), - Chậu đựng nước (15l), - Thiết bị gia nhiệt bếp ga, bếp điện hay bếp dầu hỏa, đun chảy nhựa - Dao cắt, gọt nhựa
28.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05	- Khuôn tròn có đk trong Φ 15.9 ± 3mm cao 6.4 ± 4mm để chứa nhựa đường, - Bi thép (Φ 9,5±0,03mm), nặng 3,5±0,05g, -Khuôn treo, - Vòng dẫn hướng của bi thép - Bình thủy tinh co dung tích 800ml, - Dao cắt, dùng cắt nhựa - Nhiệt kế (200 ⁰ C, chia 0,5 ⁰ C), - Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa - Dụng cụ và hóa chất cần dùng: + Ethylene glycol có điểm sôi giữa 193 ⁰ C ÷ 204 ⁰ C. + Vadolin (glixerin) để bôi trơn. + Nước đá.
29.	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland.	TCVN 7498:05	- Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa của nhựa đường , - Nhiệt kế (400 ⁰ C, chia 0,5 ⁰ C), - Đồng hồ bấm giây. - Bình ga gia nhiệt
30.	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 ⁰ C trong 5h,	TCVN 7499:05	- Giá quay tổn thất 5v/p, tủ sấy 300 ⁰ C, hộp nhôm
31.	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:05	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, đệm thủy tinh, ống lọc, ống cao su), bình tam giác, tủ sấy, bình hút ẩm, cốc phân tách
32.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:05	- Bình tỷ trọng, chậu ổn nhiệt, nhiệt kế, cốc thủy tinh, nước cất đã khử ion.
33.	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05	Cốc mở 1000lm, bếp điện, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, giá treo mẫu và các viên đá 20x40mm
V	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
34.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy, đầm tạo mẫu BTN, khuôn, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, bếp đun,

			chảo trộn, tủ sấy, nhiệt kế 2500C, cân 5kg * 0,1g; 10Kg * 1g; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ.
35.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:11	Máy li tâm tách nhựa, tủ sấy, giấy lọc, cân điện tử chính xác 0,01g; ống đong 1L và 100ml, cốc nung, bình hút âm, C ₂ HCl ₃ , (NH ₄) ₂ CO ₃ và các dụng cụ khác
36.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11	Bộ sàng, cân chính xác 0,1%, tủ sấy.
37.	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11	Bình hút chân không, bình chứa mẫu, áp kế chân không, bơm hút chân không, cân chính xác 0,1%, nhiệt kế chính xác 1 ^o C, tủ sấy, khay và các dụng cụ phụ trợ
38.	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11	Cân chính xác 0,1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế chính xác 1 ^o C.
39.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	Tủ sấy có thông gió với thang nhiệt 110 - 175 ^o C, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân chính xác 0,1g, chảo, bay.
40.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11	Ống đong bằng thép hoặc bằng đồng D39 * H86mm dung tích 100ml, phễu kim loại, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt, cân chính xác 0,1g.
41.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11	Phương pháp tính toán
42.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11	Phương pháp tính toán
43.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11	Phương pháp tính toán
44.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	Phương pháp tính toán
45.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11	Phương pháp tính toán
VI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG		
46.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854	<ul style="list-style-type: none"> - Dầu hoả, - Bơm chân không (có cả bình hút chân không), - Cân kỹ thuật (0,01g), - Bình tỷ trọng (100cm³), - Cối chà vôi sứ (đồng), - Rây 2mm, - Bếp cát, - Tủ sấy (t^o), - Tỷ trọng kế, - Thiết bị ổn nhiệt, - Cốc nhỏ hộp nhôm có nắp
47.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012;	- Tủ sấy (t ^o) đến 300 ^o C,

		ASTM D2216	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Rây (1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Khay men phơi đất - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cân phân tích (0,001g), - Rây 0,5mm, - Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), - Tủ sấy (t⁰).
48.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89,T90	<ul style="list-style-type: none"> - Các tấm kính nhám, - Rây (1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Bình thủy tinh có nắp, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), - Tủ sấy (t⁰), - Bát sắt tráng men, - Dao để trộn - Dụng cụ Casagrande
49.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T88	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật (0,01g), - Bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 025, 0,1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Tủ sấy (t⁰), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Quả lê bằng cao su, - Dao con, Cân (1g), - Máy sàng lắc, - Cân phân tích, - Tỷ trọng kế (vạch 0,001), - Bộ phận đun và làm lạnh, - Bình đong (1000cm³, φ 60±2mm), - Nhiệt kế (0,5⁰C), - Que khuấy, - Đồng hồ bấm, - Máy rửa, - Ống hút (5cm³ và 50cm³), - Thước thẳng 20cm.
50	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén proctor (Độ ẩm đầm chặt tốt nhất; khối lượng thể tích khô lớn nhất trong phòng thí nghiệm; tỷ lệ hạt quá cỡ; tỷ trọng khối của hạt quá cỡ; khối lượng thể tích khô lớn nhất sau hiệu chỉnh; độ ẩm đầm nén tốt nhất sau hiệu chỉnh)	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN 333:2006;ASTM D1557 ;AASHTO T99,180	<ul style="list-style-type: none"> - Cối đầm nén và cần dẫn búa bằng kim loại, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Sàng (19 mm, 5mm), - Bình phun nước, - Tủ sấy (t⁰), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Hộp nhôm (cốc thủy tinh có nắp), - Dao gọt đất, - Vò đập đất,

			<ul style="list-style-type: none"> - Khay (40x60cm), - Vải phủ, cối sứ, chày bọc cao su.
51	Thí nghiệm sức chịu tải (CBR)	TCVN 12792:2020; AASHTO T193	<ul style="list-style-type: none"> - Máy nén CBR, - Cối đầm loại to (D=152,4 mm), - Chày đầm tiêu chuẩn, - Chày đầm cải tiến , - Cối CBR, - Tấm đệm, - Tấm đo - Trương nở, - Đồng hồ đo trương nở, - Giá đỡ thiên phân kế,
52	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:2012 ASTM D2434-00 AASHTO T125	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ thấm đất cột nước không đổi - Bộ thấm đất cột nước thay đổi - Bảng cấp nước cho bộ thấm - Bình chứa nước
53.	Cường độ kéo khi ép chẻ vật liệu	TCVN 8862:2011;	Máy nén, khuôn ép chẻ
54	Thí nghiệm nén một trục có nở hông	ASTM D2166;TCVN 9438:2012	Máy nén 1 trục hở hông, khuôn tạo mẫu
VII	THỬ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT MỐI HÀN		
55	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – PP dùng bột từ	TCVN 4396: 86 (2018)	- Máy thử từ , son, từ tính
VIII	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
56	Xác định khối lượng thể tích, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:71; TCVN 12791:2020; TCVN 8729:12; AASHTO T20	<ul style="list-style-type: none"> - Dao đai tròn bằng thép hay đồng (dung tích 100-200cm³), - Cân đĩa 5kg độ nhạy(1-2g), - Cân đĩa 0,5kg độ nhạy(0,1g), - Dao gạt đất lưỡi phẳng, - Hộp nhôm, - Vazolin hoặc mỡ để bôi trơn, - Chảo sấy hoặc cùn đốt 90°trở lên, - Búa đóng loại 0,5kg, gỗ đệm
57	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012	<ul style="list-style-type: none"> - Dao vòng bằng kim loại - Thước cặp, - Dao cắt có lưỡi thẳng, - Cân kỹ thuật (0,01 và 0,1g), - Các tấm kính, - Dụng cụ xác định độ ẩm, - Hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp, - Tủ sấy (t⁰), - Bình hút ẩm
58	Xác định sức chịu tải của đất (CBR)	TCVN 8821:2011	- Bộ gia tải CBR quay tay, piston xuyên, cần nối dài, Xe tải có Tải

			trọng xe, giàn thiên phân kế, thiên phân kế
59	Xác định khối lượng thể tích, độ ẩm của đất, đá tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06 TCVN 8729:12 ASTM D1556	- Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu, đế định vị). - Cát chuẩn - Cân cân được 15kg chính xác 1,0g. - Cân cân chính xác 0,01g, Cồn - Bộ sàng 2,36;1,18;0,6;0,3mm - Các dụng cụ khác (dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi lông
60	Xác định mô đun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế. Cần Benkenman hoặc cần đo độ võng Xe chất tải
61	Xác định mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:11; ASTM D4695; AASHTO T256	- Cần Benkenman - Xe đo (xe tải- trục đơn bánh kép khe hở giữa 2 bánh đôi 5cm-trọng lượng trục 10.000daN.
62.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E965	- Cát chuẩn, Ống đong cát, Bàn xoa cát hình tròn, Bàn chải sắt và bàn chải lông mềm, Thước dài khắc vạch 500mm, Cân có độ nhạy 0,1g - Tấm chắn gió
63.	Xác định cường độ bê tông bằng siêu âm kết hợp súng bật nảy	TCVN 9335 : 2012 ; BS EN 12504-1	- Máy siêu âm ; Súng bật nảy.
64.	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334 : 2012	- Súng bật nảy.
65	Cọc PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Thiết bị cọc tải và đồng hồ
IX	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
66	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. Bình đong bằng kim loại không gỉ, có thể tích 1 lít, đường kính trong bằng 113 mm.
67	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	-Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ; - Thước kẹp có độ chính 0,1 mm; - Cân thủy tĩnh.
68	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022	- Khuôn bằng kim loại, có hình lăng trụ. Chày đầm mẫu, được làm từ vật liệu không, Thùng bảo dưỡng mẫu

			<ul style="list-style-type: none"> - Mảnh vải cotton, - Tấm kính - Máy thử uốn, có khả năng chịu tải đến 5 KN - Máy thử nén <p>máy nén có khả năng tạo lực nén đến 100 KN</p> <p>Tấm nén phải đảm bảo phẳng, khe hở bề mặt giữa 2 tấm nén không lớn hơn 0,01mm;</p>
69	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022	- Cân kỹ thuật (1g), Thùng ngâm mẫu, Tủ sấy 200 ⁰ C, Khăn lau mẫu, Thước lá
X	THỬ NGHIỆM GẠCH ĐẤT SÉT NUNG		
70	Xác định cường độ bền nén ; Xác định cường độ uốn ;Xác định độ hút nước;Xác định khối lượng riêng ; Xác định khối lượng thể tích ; Xác định độ rỗng	TCVN 6355-2009	Máy nén , giá uốn , cân kỹ thuật, thước đo...vv
XI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN		
71	Xác định độ mài mòn; xác định độ hút nước; xác định độ chịu lực va đập xung kích; xác định lực uốn gãy	TCVN 6065:1995.	<ul style="list-style-type: none"> - Thước cặp kim loại, chính xác đến 0,01mm; - Cân kỹ thuật, chính xác đến 0,1g; - Tủ sấy;
XII	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG B.T. N		
72	Xác định lượng mất khi nung; Thành phần hạt; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số hao nước	22 TCN 58-1984	Sàng , tủ sấy , kính lúp
XIII	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
73	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999	thước lá có vạch chia đến 1 mm;
74	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	- tấm kính để là phẳng bề mặt vữa trát mẫu
75	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995	
XIV	THỬ NGHIỆM ĐẤT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH		

76	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và độ ẩm lớn nhất của hỗn hợp; chuẩn bị mẫu đất gia cố; xác định độ bền khi nén (cường độ kháng ép); xác định mô đun biến dạng; xác định độ ổn định với nước và nhiệt độ	22 TCN 59:84	Thước có độ chính xác 0,1 mm; - Thước nivô, có độ chính xác 0,1 mm; - Thước lá có chiều dày chuẩn, độ chuẩn xác 0,1 mm.
XX	THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZZO		
77	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy uốn , thước lá, Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc.
XXI	THỬ VẬT LIỆU LIÊN KẾT VÀ CHÈN KHE THI CÔNG NÓNG DÙNG CHO MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG		
78	Xác định độ bám dính không ngâm; xác định độ bám dính khi ngâm trong nước; xác định cường độ bám dính	ASTM D5329	Máy xác định mastic
79	Xác định điểm hóa mềm	ASTM D36	Thiết bị cốc hồ Cleveland (thủ công) - Bao gồm cốc thử, tấm gia nhiệt, đèn thí nghiệm, bếp và giá đỡ
XXII	THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM BÊ TÔNG KHÍ CHỪNG ÁP (ACC)		
80	Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định cường độ nén; Xác định độ co khô	TCVN 9030: 2017	Máy nén, thước đo
XXIII	THỬ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GỐC AXÍT		
81	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:11	Thiết bị xác định độ nén
82	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:11	Bộ sàng cỡ hạt
83	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:11	Thiết bị xác định độ khử nhũ
84	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-6:11	Máy trộn xi măng

85	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:11	Thiết bị xác định độ dính bám
86	Nhận biết nhữ tương nhựa đường gốc axit phân tách nhanh	TCVN 8817-11:11	Tính toán
87	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:11	Bình đong
XXIV	THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP, LÁT TỰ NHIÊN VÀ NHÂN TẠO		
88	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016 ; ISO 10545	Tủ sấy, đồng hồ áp lực tự ghi (2%), 2 thanh đỡ hình trụ, hình trụ giữa
XXV	THỬ NGHIỆM GỖ		
89	Xác định độ hút ẩm	TCVN 8046 : 2009	Các dụng cụ khai thác gỗ, cưa, bào, các chất giữ ẩm mặt gỗ, thiết bị hong khô gỗ, dụng cụ đo, kính hiển vi, kính lúp, cân phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, đồng hồ đo chuyển vị, máy nén thủy lực, máy kéo thủy lực, máy quả lắc
90	Xác định độ co rút theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến	TCVN 13707-13 : 2023	
91	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 13707-2:2023	
92	Xác định cường độ chịu nén vuông góc với thớ	TCVN 13707-5:2023	
XXVI	THỬ NGHIỆM NGÓI ĐÁT SÉT NUNG		
93	Xác định lực uốn gãy, độ hút nước và khối lượng 1m ² ngói bão hòa nước	TCVN 4313:2023	Thiết bị thử uốn có các gối đỡ, tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, khung bằng kim loại, keo
XXVII	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA NHIỆT ĐỘ		
94	Xác định kích thước	TCVN 6145:07 (ISO 3126)	Thước thép cuộn. Thước thép dài; Thước kẹp; Bộ căn lá; Kính lúp; Máy khoan bê tông ,búa, đục sắt, Êke; Thiết bị thử nén công; Tấm thép, đồng hồ, bay nhỏ mũi nhọn, dao dài

61

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 11 /GCN-SXD-VLXD Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Viện Khoa học và Công nghệ Hàng Không (Giấy tiếp nhận hồ sơ số H29.18-240107-0095 ngày 08/01/2024, số H29.18-240223-0014 ngày 23/02/2024 do đại diện Công ty nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố); văn bản số 16/024/CV AviaSTI ngày 01/02/2024 của Viện Khoa học và Công nghệ Hàng Không về việc gia hạn thời gian bổ sung hồ sơ;

Xét Biên bản đánh giá thực tế ngày 19/01/2024 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh và báo cáo ngày 01/3/2024 của chuyên gia sau khi xem xét hồ sơ khắc phục của doanh nghiệp (văn bản đến Sở Xây dựng ngày 01/3/2024);

Theo đề nghị tại Phiếu trình số 142/PTr-VLXD ngày 01/3/2024 của Phòng Vật liệu xây dựng;



CHỨNG NHẬN:

1. Viện Khoa học và Công nghệ Hàng Không

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ: Số 43/ĐK-KHCN ngày 24/4/2018 do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Địa chỉ: Số 156/12 đường Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 3842 6046.

E-mail: vienhangkhong2008@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm xây dựng.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 156/12 đường Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

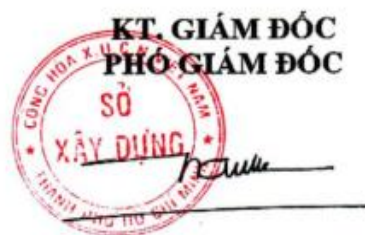
2. Mã số LAS-XD: LAS-XD 58.006¹ (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

4. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Viện Khoa học và Công nghệ Hàng Không;
 - Bộ Xây dựng;
 - Giám đốc SXD (để báo cáo);
 - Văn phòng Sở (đăng tải website);
 - Lưu: VT, VLXD/NTD-Huy.5b.
- H29.18-240107-0095 ngày 08/01/2024,
H29.18-240223-0014 ngày 23/02/2024



Đặng Phú Thành

¹ Chuyển đổi từ LAS-XD 216 theo Giấy chứng nhận số 44/GCN-BXD ngày 18/01/2019 của Bộ Xây dựng.

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 58.006**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số 11 /GCN-SXD-VLXD ngày 01/3/2024 của Sở Xây dựng)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm
I.	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
1.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
II.	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
2.	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419-91; AATMHTOT176
III.	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM	
3.	Xác định độ đàn hồi của nhựa đường Polime (ở 25°C, mẫu kéo dài 10 cm)	22 TCN 319: 04
IV.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG	
4.	Xác định góc nghi tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
V.	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
5.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950:98
6.	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012
VI.	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
7.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121:2022
VII.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN	
8.	Kiểm tra ngoại quan	TCVN 6065:1995
VIII.	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
9.	Hình dáng bên ngoài	22 TCN 58-84
IX.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
10.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
X.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERAZZO	
11.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013
XI.	THỬ VẬT LIỆU MASTIC CHÈN KHE BÊ TÔNG XI MĂNG	
12.	Độ đàn hồi; độ xuyên côn ở 25°C; Độ chảy dẻo ở 60°C	ASTM D5329
XII.	NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GÓC AXÍT	
13.	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm
XIII.	THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT NHÂN TẠO VÀ TỰ NHIÊN	
14.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 4732:2016

Ghi chú (*): Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 49 /GCN-SXD-KT&VLXD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(Bổ sung)**

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 11/GCN-SXD-VLXD ngày 01/3/2024 của Sở Xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 20/5/2024; báo cáo kết quả khắc phục số 01/BC-KP ngày 30/5/2024 của Viện Khoa học và Công nghệ Hàng Không (Giấy tiếp nhận hồ sơ số H29.18-240519-0021 ngày 20/5/2024 và ngày 5/6/2024 do đại diện Công ty nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố);

Xét Biên bản đánh giá thực tế ngày 28/5/2024 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh và báo cáo ngày 5/6/2024 của chuyên gia sau khi xem xét hồ sơ khắc phục của doanh nghiệp (văn bản đến Sở Xây dựng ngày 30/5/2024);

Theo đề nghị tại Phiếu trình số 11 /PTr-KT&VLXD ngày 11/6/2024 của Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng;

CHỨNG NHẬN:

1. Viện Khoa học và Công nghệ Hàng Không

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: Số 0302790160 ngày 13/12/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Địa chỉ: 156/12 đường Cộng Hòa, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 38426046.

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm thí nghiệm xây dựng.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: 156/12 đường Cộng Hòa, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: LAS-XD 58.006¹ (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

3. Giấy chứng nhận này bổ sung cho Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 11/GCN-SXD-VLXD ngày 01/3/2024 của Sở Xây dựng; có hiệu lực kể từ ngày cấp đến khi hết hiệu lực của Giấy chứng nhận số 11/GCN-SXD-VLXD của Sở Xây dựng

4. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. *Chuan*

Nơi nhận:

- Viện Khoa học và Công nghệ Hàng Không;
 - Giám đốc Sở (để báo cáo);
 - Văn phòng Sở (đăng tải website);
 - Lưu VT, KT&VLXD/D, B.
- H29.18-240519-0021 ngày 20/5/2024,
5/6/2024.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Trần Kiên

¹ Tiếp tục của LAS-XD 58.006 theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 11/GCN-SXD-VLXD ngày 01/3/2024 của Sở Xây dựng.

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 58.006**



(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng /GCN-SXD-KT&VLXD ngày 12/6/2024 của Sở Xây dựng)

(1)	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi (2)	Cơ sở pháp lý tiên hành thử nghiệm (3)
THỬ NGHIỆM XI MĂNG		
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605: 2023
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011 ISO 679 ASTM C109/C109M
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
4	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
5	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
6	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022
7	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022
8	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
9	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
10	Xác định cường độ kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022
11	Xác định cường độ lãng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
12	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:06 ASTM C136/C136M AASHTO T27
13	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06 ASTM C128
14	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
15	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06 ASTM C29/C29M
16	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06 ASTM C566
17	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06 ASTM C142/C142M
18	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06 ASTM C40/C40M
19	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
20	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm
(1)	(2)	(3)
21	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los-Angeles	TCVN 7572-12:06 ASTM C131/C131M ASTM C535 AASHTO T96
22	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06 AASHTO T335
23	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572- 17:2006
24	Xác định hàm lượng bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
25	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM		
26	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005
27	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005
28	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
29	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:05
30	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005
31	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:2005
32	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
33	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005
THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
34	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
35	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011
36	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
37	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
38	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011
39	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
40	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
41	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
42	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm
(1)	(2)	(3)
43	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
44	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
45	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG		
46	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 ASTM D854
47	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012 ASTM D2216
48	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 AASHTO T89 AASHTO T90
49	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 AASHTO T88
50	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén proctor (Độ ẩm đầm chặt tốt nhất; khối lượng thể tích khô lớn nhất trong phòng thí nghiệm; tỷ lệ hạt quá cỡ; tỷ trọng khối của hạt quá cỡ; khối lượng thể tích khô lớn nhất sau hiệu chỉnh; độ ẩm đầm nén tốt nhất sau hiệu chỉnh)	TCVN 4201:2012 TCVN 12790:2020 22TCN 333:2006 ASTM D1557 AASHTO T99 AASHTO 180
51	Thí nghiệm sức chịu tải (CBR)	TCVN 12792:2020 AASHTO T193
52	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:2012 ASTM D2434 AASHTO T125
53	Cường độ kéo khi ép chế vật liệu	TCVN 8862:2011
54	Thí nghiệm nén một trục có nở hông	ASTM D2166 TCVN 9438:2012
THỬ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT MỐI HẠN		
55	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – phương pháp dùng bột từ	TCVN 4396:2018
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
56	Xác định khối lượng thể tích, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai	22TCN 02:71 TCVN 12791:2020 TCVN 8729:2012 AASHTO T204
57	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
58	Xác định sức chịu tải của đất (CBR)	TCVN 8821:2011
59	Xác định khối lượng thể tích, độ ẩm của đất, đá tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006 TCVN 8729:2012

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm
(1)	(2)	(3)
		ASTM D1556
60	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
61	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011 ASTM D4695 AASHTO T256
62	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011 ASTM E965
63	Xác định cường độ bê tông bằng siêu âm kết hợp súng bột nảy	TCVN 9335:2012 BS EN 12504-1
64	Xác định cường độ bê tông bằng súng bột nảy	TCVN 9334 : 2012
65	Cọc - phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
66	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
67	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
68	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022
69	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
THỬ NGHIỆM GẠCH ĐÁT SÉT NUNG		
70	Xác định cường độ bền nén; xác định cường độ uốn; xác định độ hút nước; xác định khối lượng riêng; xác định khối lượng thể tích; xác định độ rỗng	TCVN 6355:2009
THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN		
71	Xác định độ mài mòn; xác định độ hút nước; xác định độ chịu lực va đập xung kích; xác định lực uốn gãy	TCVN 6065: 1995
THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA		
72	Xác định lượng mất khi nung; Thành phần hạt; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số háo nước	22 TCN 58:1984
THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
73	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6476:1999
74	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
75	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995
THỬ NGHIỆM ĐẤT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT ĐÍNH		
76	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và độ ẩm lớn nhất của hỗn hợp; chuẩn bị mẫu đất gia cố; xác định độ bền khi nén (cường độ kháng ép); xác định môđun biến dạng; xác định độ ổn định với nước và nhiệt độ	22 TCN 59:84
THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZO		
77	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009

TT	Tên chi tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm
(1)	(2)	(3)
THỬ VẬT LIỆU LIÊN KẾT VÀ CHÈN KHE THI CÔNG NÔNG DỪNG CHO MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG		
78	Xác định độ bám dính không ngâm; xác định độ bám dính khi ngâm trong nước; xác định cường độ bám dính	ASTM D5329
79	Xác định điểm hóa mềm	ASTM D36
THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (ACC)		
80	Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định cường độ nén; Xác định độ co khô	TCVN 9030:2017
THỬ NGHIỆM NHỰ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GÓC AXIT		
81	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
82	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
83	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
84	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-6:11
85	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:11
86	Nhận biết nhũ tương nhựa đường góc axit phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011
87	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP, LÁT TỰ NHIÊN VÀ NHÂN TẠO		
88	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016 ISO 10545-4
THỬ NGHIỆM GỖ		
89	Xác định độ hút ẩm	TCVN 8046:2009
90	Xác định độ co rút theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến	TCVN 13707-13: 2023
91	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 13707-2:2023
92	Xác định cường độ chịu nén vuông góc với thớ	TCVN 13707-5:2023
THỬ NGHIỆM NGÓI ĐẤT SET NUNG		
93	Xác định lực uốn gãy, độ hút nước và khối lượng 1m ² ngói bão hòa nước	TCVN 4313:2023
THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA NHIỆT ĐỘ		
94	Xác định kích thước	TCVN 6145:2007 ISO 3126

Ghi chú (*): Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng./.

PHỤ LỤC II

Tổng hợp các máy móc thiết bị và dụng cụ thí nghiệm Các máy móc , thiết bị được Hiệu chuẩn và Kiểm định

(Kèm theo công bố số 286/CBNL- HK ngày 28/03/2026 của Viện khoa học và CN hàng không

STT	Các máy móc thiết bị thí nghiệm	Phạm vi đo cấp chính xác	Số lượng	Nhà sản xuất	Giấy Chứng nhận Kiểm định	Giấy Chứng nhận Hiệu chuẩn	Ngày Hiệu chuẩn và Kiểm định	Cơ quan kiểm định hiệu chuẩn	Hợp đồng mua thiết bị thí nghiệm	Biên bản bảo giao thiết bị thí nghiệm	Hóa đơn VAT
1	Máy Kéo thép WES- 1000B	0-1000KN độ phân giải 0.01KN	1	Trung Quốc		Số(N) Airtest 19-336 Ngày 23/03/2024		Viện Khoa Học và CN Hàng Không	189/06HD KT		Số00864 07
2	Máy thử độ bền nén bê tông COMPACT- 1500KN	0-1500KN độ phân giải 0.1KN	1	ANH QUỐC		Số(N) Airtest 19-335 Ngày 24/11/2023		Viện Khoa Học và CN Hàng Không	67/06 HDKT		Số01522 20
3	Máy thử độ bền nén bê tông TYA- 300 KN	0-300KN độ phân giải 0.5KN	1	Trung Quốc		Số(N) Airtest 19-333 Ngày 23/03/2024		Viện Khoa Học và CN Hàng Không	67/06 HDKT	số803/10B B NT	Số01522 20
4	Máy thử độ bền nén bê tông TYA- 2000KN	0-2000KN độ phân giải 0.1KN	1	Trung Quốc		Số(N) Airtest 19-314 Ngày 24/11/2023		Viện Khoa Học và CN Hàng Không	803/10HD KT	số803/10B B NT	Số00224 90
5	Máy thử độ bền nén bê tông TYA- 2000KN	0-2000KN độ phân giải 0.1KN (Mã số 1707005	1	Trung Quốc	Số 0068/MKN/2026		03/04/2026	Công ty CP Kiểm định và Đo lường chất lượng Cần Thơ CN	04/HDKT	04/HDKT	Số00802 56

6	Máy thử độ bền nén bê tông TYA- 2000KN	0-2000KN độ phân giải 0.1KN	1	Trung Quốc		Số/N : KT3 - 0059BC O4b Ngày cấp: 11/04/2024		Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng 3	HĐCN		Số00001 61
7	Máy thử độ bền nén bê tông TYA- 2000KN	0-2000KN độ phân giải 0.1KN	1		Số/N : KT3 - 0059BC O4a Ngày cấp: 19/04/2024			Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng 3	HĐCN		Số00001 61

8	Áp kế lò xo	0.049MPa/0.5kgf/cm ²	1	Đức	Số N: 0762ĐL24/4 Ngày cấp: 13/03/2024			Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng Thành phố Hồ Chí Minh			
9	Áp kế lò xo	0.0196MPa/0.2kgf/cm ²	1	Đức	Số N: 0762ĐL24/5 Ngày cấp: 13/03/2024			Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng Thành phố Hồ Chí Minh			
10	Áp kế - máy thăm bề tông	0.05MPa/0.5kgf/cm ²	1	Đức	Số N: 0839ĐL26/3		30/03/2026	Trung tâm DV phân tích thí nghiệm và tiêu chuẩn lường chất lượng Thành phố Hồ Chí Minh			0037535
11	Áp kế lò xo	(0;- 0,25) Mpa	1	Đức	Số N :2762ĐL24/7 Ngày cấp: 13/03/2024			Trung tâm DV phân tích thí nghiệm và tiêu chuẩn lường chất lượng Thành phố Hồ Chí Minh			
12	Cân kỹ thuật	05kg/0.1g	1	Hàn Quốc	Số N: 0839ĐL.26/1		30/03/2026	Trung tâm DV phân tích thí nghiệm và tiêu chuẩn lường chất lượng Thành phố Hồ Chí Minh			Số 01696 99

13	Cân kỹ thuật	15kg/0.1g	1	Hàn Quốc	Số/N : 0839DL/26/2		30/03/2026	Trung tâm DV phân tích thí nghiệm và tiêu chuẩn lường chất lượng Thành Phố Hồ Chí Minh			Số00344 05
14	Cân kỹ thuật	20kg/2g	1	Đài Loan		Số(N) Airtest 19-289 Ngày 24/11/2023		Viện Khoa Học và CN Hàng Không			Số01481 72
15	Vòng lực Máy CBR	0-30kN 5mm/0.01mm	1	Trung Quốc		Số(N) Airtest 19-462	24/05/2025	Viện Khoa Học và CN Hàng Không			150694
16	Vòng lực Máy MARSHALL	0-30kN 5mm/0.01mm	1	Trung Quốc		Số(N) Airtest 19-464	10/11/2025	Viện Khoa Học và CN Hàng Không			150694
17	Tủ sấy	300°C	1	Trung Quốc		Số(N) Airtest 19-465	10/11/2025	Viện Khoa Học và CN Hàng Không			0042600
18	Kích thủ lực	0-500kN	1	Trung Quốc		Số(N) Airtest 19-466	12/11/2025	Viện Khoa Học và CN Hàng Không			

19	Đồng hồ so	0-10mm/0.01mm	1	Trung Quốc		Số/N :0762ĐL24/1 Ngày cấp : 13/03/2024		Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng Thành Phố Hồ Chí Minh			
----	------------	---------------	---	------------	--	---	--	---	--	--	--

20	Đồng hồ so	0-10mm/0.01mm	1	Trung Quốc		Số/N :0762ĐL24/2 Ngày cấp : 13/03/2024		Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng Thành Phố Hồ Chí Minh			
21	Thước Cặp		1	Nhật		Số(N) Airtest 19-463	12/06/2025	Viện Khoa Học và CN Hàng Không			
22	Đồng hồ so	0-10mm/0.01mm	1	Trung Quốc		Số(N) Airtest 19-479	12/11/2025	Viện Khoa Học và CN Hàng Không			
23	Cân đo benkelman		1	Việt Nam		Số(N) Airtest 19-480	12/11/2026	Viện Khoa Học và CN Hàng Không			

STT	Các máy móc thiết bị thí nghiệm	Nhà sản xuất	Tình trạng Hoạt động	Hợp đồng mua thiết bị thí nghiệm	Biên bản bảo giao thiết bị thí nghiệm	Hóa đơn VAT
24	Bộ sàng TN cát, đá, CPTN, CPĐD, BTN (sàng 19, 25, 16, 12.5, 9.5, 4.75, 2.36, 1.18, 0.6, 0.3, 0.15, 0.075 mm;) Sàng F 30cm USA	Mỹ	Tốt			0051115
25	Bộ sàng TN cát, đá, CPTN, CPĐD, BTN (sàng 37.5, 25, 19, 12.5, 9.5, 4.75, 2.36, 1.18, 0.6, 0.3, 0.15 0.075 mm;) Sàng F 30cm có nắp, đáy Việt Nam	Việt Nam	Tốt			
26	Bộ sàng TN cát, đá, CPTN, CPĐD, BTN (sàng 50, 37.5, 25, 19, 9.5, 4.75, 2.0, 0.6, 0.25, 0.09, 0.1, 0.425 mm;) Sàng F 20cm Matest	Trung Quốc	Tốt			0152218

27	Máy xác định độ chống thấm bê tông	Trung Quốc	Tốt			0037535
28	Máy siêu âm bê tông xi măng (TESTING EQUIPMENT)	Ý	Tốt			0037535
29	Súng bắn bê tông	Ý	Tốt			0037535
30	Cần đo benkelman	Việt Nam	Tốt			0054497
31	Máy thử độ bền nén CBR	Trung Quốc	Tốt			0150694
32	Máy thử độ bền nén Marshall	Trung Quốc	Tốt			0150694
33	Máy nén vữa XM	Trung Quốc	Tốt			0152220
34	Khuôn đúc mẫu bê tông 150 x 150x 150	VN	Tốt			0086403
35	Khuôn đúc mẫu bê tông 150 x 300					0136605
36	Khuôn đúc bê tông 150 x 600	VN	Tốt			0197156
37	Thiên phân kẻ độ chính xác 0.01mm	Nhật	Tốt			
38	Thiết bị kim lún đa năng xác định độ đàn hồi, xuyên con của mastic	Mỹ	Tốt			

39	Thiết bị xác định chảy dẻo Mastic	Việt Nam	Tốt			
40	Máy kéo xác định cường độ dính bám Mastic	Việt Nam	Tốt			
41	Lò nung 1200 ⁰ C (TDW)	Trung Quốc	Tốt			0042600
42	Tủ sấy 300-C	Trung Quốc	Tốt			0150694
43	Bảng đo độ thấm	VN	Tốt			0086404
44	Xác định hệ số thấm của đất	VN	Tốt			0086403
45	Thùng ổn nhiệt, Model HY.84	Trung Quốc	Tốt			
46	Máy xác định nhiệt độ bốc cháy cốc hồ (SYD3536)	Trung Quốc	Tốt			
47	Thiết bị đo độ kim lún (LZR-II)	Trung Quốc	Tốt			
48	Thiết bị đo độ hóa mềm	Trung Quốc	Tốt			
49	Thiết bị xác định biến dạng đàn hồi bê tông	Mỹ	Tốt			
50	Máy xác định lượng tổn thất nhựa đường khi nung	Trung Quốc	Tốt			0086405

51	Máy mài mòn Los Angeles (MH-I)	Trung Quốc	Tốt			0009448
52	Máy mài mòn bê tông, gạch	Việt Nam	Tốt			
53	Máy Magtest.omron từ tính	Nhật Bản	Tốt			
54	Tủ bảo dưỡng mẫu Xm, HBY-40A	Trung Quốc	Tốt			
55	Máy dẫn vữa, Model ZS-15		Tốt			0152217
56	Khuôn đúc mẫu 40 x 40 x 160	VN	Tốt			0152217
57	Bàn rung vữa bê tông xi măng	Trung Quốc	Tốt			
58	Nhiệt kế thủy tinh, kim loại 100 ⁰ C 400 ⁰ C	Trung Quốc	Tốt			
59	Nhớt kế vebe, VBR-1	Trung Quốc	Tốt			
60	Máy quay ly tâm chiết nhựa	Trung Quốc	Tốt			
61	Máy kéo dài nhựa	Trung Quốc	Tốt			0009448

62	Máy hút chân không 2XZ-0.5	Trung Quốc	Tốt			
63	Thiết bị bộ kim vica	Trung Quốc	Tốt			0150695
64	Bộ khuôn đúc mẫu nén uốn bê tông xi măng	Việt Nam	Tốt			
65	Bộ khuôn đúc mẫu uốn vữa	Trung Quốc	Tốt			
66	Côn đo độ sụt bê tông	Việt Nam	Tốt			0080256
67	Thiết bị xác định khối lượng riêng	Trung Quốc	Tốt			
68	Bay và chảo trộn	Việt Nam	Tốt			
69	Búa con các loại	Việt Nam	Tốt			
70	Khay trộn mẫu 80x80cm	Việt Nam	Tốt			
71	Khay đựng mẫu 25x35cm	Việt Nam	Tốt			

72	Máy khoan bê tông	Nhật	Tốt			
73	Đầm dùi đúc bê tông	Trung Quốc	Tốt			
74	Thùng đong xác định hệ số rỗng của đá, cát		Tốt			
75	Đồng hồ bấm giây	Trung Quốc	Tốt			0136605
76	Dụng cụ gá nén mẫu xi măng	Việt Nam, Trung Quốc	Tốt			
77	Hộp nhôm sắt ẩm	Việt Nam	Tốt			
78	Bộ cối, chày sứ, chày đồng	Việt Nam	Tốt			
79	Dụng cụ casagrande	Việt Nam	Tốt			0136605
80	Tấm kính nhám lăn mẫu	Việt Nam	Tốt			

91	Máy đầm bê tông nhựa điện tử	Trung Quốc	Tốt			0080256
92	Máy khoan bê tông XM và BTN		Tốt			0188051
93	Khuôn đúc mẫu Marshall	Việt Nam	Tốt			
94	Máy trộn bê tông kiểu cưỡng bức	Việt Nam	Tốt			
95	Khuôn đập đá trong xi lanh	Việt Nam	Tốt			0136605
96	Phễu và kính Tam giác xác định khả năng giữ lưu động của XM	VN	Tốt			0086406
97	Chày đầm cối đầm	VN				0038664
98	Thiết bị tạo mặt mẫu	Việt Nam	Tốt			

PHỤ LỤC III

Trung tâm thí nghiệm xây dựng của Viện Khoa học và công nghệ hàng không có năng lực:

Danh sách cán bộ Thí nghiệm viên

(Kèm theo công bố số 286/CBNL- HK ngày 28/03/2026 của Viện khoa học và CN hàng không

T T	Họ & tên	Năm sinh	Trình độ và chuyên môn	Công việc được giao hiện nay	Thâm niên	Ghi chú
1.	Nguyễn Văn Tuyền	1984	- Kỹ sư kỹ thuật xây dựng công trình giao thông - Quản lý PTN chuyên ngành Xây dựng - TNV công trình xây dựng	Giám đốc	13 năm	
2.	Nguyễn Văn Thành	1978	- Kỹ sư xây dựng - Quản lý PTN chuyên ngành Xây dựng - TNV kiểm định công trình DD-CN, sân đường ô tô và máy bay	Phó Giám đốc	14 năm	
3.	Lương Văn Vinh	1985	- Kỹ sư kỹ thuật xây dựng công trình giao thông - Quản lý PTN chuyên ngành Xây dựng - TNV kiểm tra chất lượng đường ô tô	Phó Giám đốc	17 năm	Phụ trách hiện trường
4.	Nguyễn Thị Huyền	1978	- Sơ cấp nghề thí nghiệm xây dựng giao thông - Thử nghiệm thép xây dựng	Thí nghiệm viên	18 năm	
5.	Nguyễn Quang Lợi	1991	Kỹ sư Cơ kỹ thuật, Thí nghiệm Vật liệu , Hiệu chuẩn thiết bị	Hiệu chuẩn viên, Thí nghiệm viên	06 năm	Trạm thí nghiệm
6.	Nguyễn Chí Trung	1970	Sơ cấp nghề thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng	Thí nghiệm viên	03 năm	Trạm thí nghiệm
7.	Nguyễn Văn Quế	1976	Sơ cấp nghề thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng	Thí nghiệm viên	03 năm	Trạm thí nghiệm
8.	Trần Trọng Hoàn	1991	- Kỹ sư xây dựng cầu đường, Thí nghiệm Vật liệu Xây dựng - Quản lý PTN chuyên ngành Xây dựng	Thí nghiệm viên	6 năm	Hợp đồng thời vụ
9.	Nguyễn Duy Linh	1985	- Kỹ sư kỹ thuật xây dựng công trình giao thông TN kiểm tra chất lượng đường ô tô, Tư vấn giám sát	Giảng viên thực hành, Thí nghiệm	18 năm	Thỉnh giảng

10	Nguyễn Văn Hoa	1990	Thạc sĩ Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Nghiên cứu viên, Giảng viên, Vật liệu xây dựng	8 năm	Thỉnh giảng Vật liệu xây dựng
11	Huỳnh Duy Phương	1979	Kỹ sư Dân dụng	Nghiên cứu viên, Giảng viên Tiếng Anh xây dựng	15 năm	Thỉnh giảng Tiếng Anh
12	Ngô Ngọc Cường	1976	Thạc sĩ , Kỹ sư Kỹ thuật Xây dựng	Giảng viên Vật liệu xây dựng	19 năm	Thỉnh giảng Vật liệu xây dựng
13	Huỳnh Bảo Yên	1987	Thí nghiệm Viên	Thí nghiệm Viên		Hợp tác Viên

Ghi chú : Những Kỹ sư, Thạc sỹ : Trần Trọng Hoàn , Nguyễn Duy Linh , Huỳnh Duy Phương , Nguyễn Văn Hoa , Ngô Ngọc Cường , Huỳnh Bảo Yên là những cán bộ ký Hợp đồng thời vụ để làm công tác giảng dạy thí nghiệm Vật liệu và hỗ trợ công tác thí nghiệm hiện trường.

Danh sách cán bộ thí nghiệm được phân công

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy trình	Thiết bị	Nhân viên thí nghiệm	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG						
1.	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605: 2023	X	X	<ul style="list-style-type: none"> • Nguyễn Văn Tuyên • Nguyễn Văn Thành • Nguyễn Thị Huyền 	
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011 (ISO 679) ASTM C109/C109M	X	X		
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	X	X		
THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG						
4.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	X	X		
5.	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022	X	X		
6.	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022	X	X		
7.	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022	X	X		
8.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022	X	X		
9.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	X	X		
10.	Xác định cường độ kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022	X	X		
11.	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022	X	X		
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA						
12.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06;ATM C136/C136M ; AASHTO T27	X	X		
13.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06; ASTM C128	X	X		
14.	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06;	X	X		
15.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06; ASTM C29/C29M	X	X		
16.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06 ASTM C566	X	X		
17.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06;	X	X		
18.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; ASTM C40/C40M	X	X		
19.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06	X	X		

TT	Tên chi tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy trình	Thiết bị	Nhân viên thí nghiệm
20	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	X	X	
21	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06; ASTM C131/C131, ASTM C535; AASHTO T96			<ul style="list-style-type: none"> • Nguyễn Văn Tuyên • Nguyễn Văn Thành • Nguyễn Thị Huyền • Lương Văn Vinh
22	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; AASHTO T335			<ul style="list-style-type: none"> • Nguyễn Văn Tuyên • Nguyễn Văn Thành • Nguyễn Thị Huyền • Lương Văn Vinh
23	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:06			
24	Xác định hàm lượng bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06			
25	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06			
THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM					
26	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:05	X	X	<ul style="list-style-type: none"> • Nguyễn Văn Tuyên • Nguyễn Văn Thành • Nguyễn Thị Huyền • Lương Văn Vinh
27	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05	X	X	
28	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05	X	X	
29	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland.	TCVN 7498:05	X	X	
30	Xác định lượng tồn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h,	TCVN 7499:05	X	X	
31	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:05	X	X	
32	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:05	X	X	
33	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05	X	X	
THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA					
34	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11	X	X	<ul style="list-style-type: none"> • Nguyễn Văn Tuyên • Nguyễn Văn Thành • Nguyễn Quang Lợi • Lương Văn Vinh
35	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:11	X	X	
36	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11	X	X	
37	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11	X	X	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy trình	Thiết bị	Nhân viên thí nghiệm
38	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11	X	X	
39	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	X	X	
40	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11	X	X	
41	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11	X	X	
42	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11	X	X	
43	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11	X	X	
44	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	X	X	
45	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11	X	X	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG					
46	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12	X	X	<ul style="list-style-type: none"> • Nguyễn Văn Tuyên • Nguyễn Văn Thành, • Nguyễn Thị Huyền
47	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12	X	X	
48	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89,T90	X	X	
49	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T88	X	X	
50	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén proctor (Độ ẩm đầm chặt tốt nhất; khối lượng thể tích khô lớn nhất trong phòng thí nghiệm; tỷ lệ hạt quá cỡ; tỷ trọng khô của hạt quá cỡ; khối lượng thể tích khô lớn nhất sau hiệu chỉnh; độ ẩm đầm nén tốt nhất sau hiệu chỉnh)	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN 333:2006;ASTM D1557 ;AASHTO T99,180	X	X	
51	Thí nghiệm sức chịu tải (CBR)	TCVN 12792:2020; AASHTO T193	X	X	
52	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:2012 ASTM D2434-00 AASHTO T125	X	X	
53	Cường độ kéo khi ép chèn vật liệu	TCVN 8862:2011;	X	X	
54	Thí nghiệm nén một trục có nở hông	ASTM D2166;TCVN 9438:2012	X	X	
THỬ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN					
55	Kiểm tra không phá hủy mối hàn	TCVN 4396: 86 (2018)	X	X	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy trình	Thiết bị	Nhân viên thí nghiệm
	- PP dùng bột từ				Thành • Nguyễn Văn Tuyên
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG					
56	Xác định khối lượng thể tích, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:71; TCVN 12791:2020; TCVN 8729:12; AASHTO T20	X	X	• Nguyễn Văn Thành • Nguyễn Chí Trung • Nguyễn Văn Quê • Trần Trọng Hoàn • Nguyễn Quang Lợi
57	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012	X	X	
58	Xác định sức chịu tải của đất (CBR)	TCVN 8821:2011	X	X	
59	Xác định khối lượng thể tích, độ ẩm của đất, đá tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06 TCVN 8729:12 ASTM D1556	X	X	
60	Xác định mô đun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11	X	X	
61	Xác định mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cân Ben kelman	TCVN 8867:11; ASTM D4695; AASHTO T256	X	X	
62	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E965	X	X	
63	Xác định cường độ bê tông bằng siêu âm kết hợp súng bật nảy	TCVN 9335 : 2012 ; BS EN 12504-1	X	X	Nguyễn Văn T • Lương Văn Vinh • Nguyễn Văn Tuyên • Nguyễn Văn Thành
64	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334 : 2012	X	X	
65	Cọc PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	X	X	
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG					
66	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	X	X	• Nguyễn Thị Huyền • Nguyễn Văn Thành • Nguyễn Văn Tuyên
67	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	X	X	
68	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022	X	X	
69	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022	X	X	
THỬ NGHIỆM GẠCH ĐÁT SÉT NUNG					
70	Xác định cường độ bền nén ; Xác định cường độ uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng riêng ; Xác định khối lượng thể tích ; Xác định độ	TCVN 6355-2009	X	X	

TT	Tên chi tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy trình	Thiết bị	Nhân viên thí nghiệm
	rỗng				
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN					
71	Xác định độ mài mòn; xác định độ hút nước; xác định độ chịu lực va đập xung kích; xác định lực uốn gãy	TCVN 6065: 1995.	X	X	
THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG B.T. N					
72	Xác định lượng mất khi nung; Thành phần hạt; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số hao nước	22 TCN 58-1984	X	X	
THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN					
73	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999	X	X	Châu Thanh Lâm • Nguyễn Văn Tuyên • Nguyễn Văn Thành, Lương Văn Vinh, Trần Trọng Hoàn
74	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	X	X	
75	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995	X	X	
THỬ NGHIỆM ĐẤT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH					
76	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và độ ẩm lớn nhất của hỗn hợp; chuẩn bị mẫu đất gia cố; xác định độ bền khi nén (cường độ kháng ép); xác định mô đun biến dạng; xác định độ ổn định với nước và nhiệt độ	22 TCN 59:84	X	X	
THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZZO					
77	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	X	X	
THỬ VẬT LIỆU LIÊN KẾT VÀ CHÈN KHE THI CÔNG NÓNG DÙNG CHO MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG					
78	Xác định độ bám dính không ngâm; xác định độ bám dính khi ngâm trong nước; xác định cường độ bám dính	ASTM D5329	X	X	• Nguyễn Văn Tuyên • Nguyễn Văn Thành • Nguyễn Thị Huyền
79	Xác định điểm hóa mềm	ASTM D36			•
THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (ACC)					
80	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 9030: 2017	X	X	• Lương Văn Vinh • Trần Trọng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy trình	Thiết bị	Nhân viên thí nghiệm
	khô; Xác định cường độ nén; Xác định độ co khô				Hoàn
THỬ NGHIỆM NHỰA TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GÓC AXÍT					
81	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:11	X	X	
82	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:11	X	X	
83	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:11	X	X	
85	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:11	X	X	
86	Nhận biết nhũ tương nhựa đường gốc axit phân tách nhanh	TCVN 8817-11:11	X	X	
87	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:11			•
THỬ NGHIỆM ĐÁ ÓP, LÁT TỰ NHIÊN VÀ NHÂN TẠO					
88	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016 ; ISO 10545	X	X	• Nguyễn Văn Tuyên • Nguyễn Văn Thành
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GỖ					
89	Xác định độ hút ẩm	TCVN 359:70	X	X	• Nguyễn Văn Tuyên
90	Xác định độ co rút theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến	TCVN 13707-13 : 2023	X	X	• Nguyễn Văn Thành • Nguyễn Thị Huyền
91	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 13707-2:2023	X	X	
92	Xác định cường độ chịu nén vuông góc với thớ	TCVN 13707-5:2023	X	X	
THỬ NGHIỆM NGÓI ĐẤT SÉT NUNG					
93	Xác định lực uốn gãy, độ hút nước và khối lượng 1m ² ngói bảo hòa nước	TCVN 4313:2023	X	X	Nguyễn Văn Tuyên • Nguyễn Văn Thành
THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA NHIỆT ĐẸO					
94	Xác định kích thước	TCVN 6145:07 (ISO 3126)	X	X	• Lương Văn Vinh, Nguyễn Thị Huyền

Trung tâm thí nghiệm xây dựng
Trưởng Phòng TN



Nguyễn Văn Tuyên

Viện KH & CN Hàng Không
Viện trưởng



Ts. Nguyễn Văn Lý